TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Thu Cúc

Ông Bùi Tấn Đạt

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa*: bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 235/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2023/QĐST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Mỹ D, sinh năm 1992; địa chỉ: số 801/6, khu phố 3, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp: ông Trần H, sinh năm 1983 và bàNguyễn Thị H , sinh năm 1988; địa chỉ liên hệ: số 32, đường G, phường Đ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1997; địa chỉ: số 12/1, đường V, tổ 5, khu phố 2, phường C, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2023, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Mỹ D và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bàNguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Mỹ D và bà Nguyễn Thị K là bạn bè. Do cần tiền để thanh toán tiền mua hàng hóa, bà K hỏi mượn bà D 994.000.000 đồng (chín trăm chín mươi bốn triệu đồng) theo Giấy mượn tiền ngày 05/7/2020.

Giấy mượn tiền không ghi thời hạn trả nhưng hai bên thỏa thuận miệng thời gian trả nợ trong 30 ngày kể từ ngày nhận tiền 05/7/2020. Do bà K hứa trả tiền

trong thời hạn 30 ngày nên bà D không tính lãi, hai bên không thỏa thuận lãi trong giấy mượn tiền. Đến thời hạn trả nợ, bà D nhiều lần gọi điện thoại, gặp trực tiếp yêu cầu bà K trả tiền nhưng bà K nhiều lần hẹn lại thời gian trả, cụ thể bà K hẹn cuối năm 2020 trả sau đó hẹn lại giữa năm sẽ trả triền nhưng không thực hiện trả nợ cho bà D .

Tại phiên tòa bàNguyễn Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị K trả bà D tổng số tiền 1.254.925.000 đồng, trong đó có 994.000.000 đồng tiền gốc và 260.925.000 đồng tiền lãi từ ngày 05/8/2020 tạm tính đến ngày 05/7/2023 là 35 tháng theo cách tính 994.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 35 tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án thông báo thời gian tham gia tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bị đơn theo Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền gốc theo Giấy mượn tiền ngày 05/7/2020 có căn cứ chấp nhận.

Về tiền lãi: Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: đối với hợp đồng vay không kỳ hạn thì thời gian chậm trả nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết "thời gian hợp lý" đến thời điểm xét xử sơ thẩm. "Thời gian hợp lý" quy định tại Điều 469 của Bộ luật Dân sự căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để xem xét, quyết định nhưng không quá 03 tháng kể từ ngày thông báo. Bà K nhận được thông báo yêu cầu trả nợ ngày 20/3/2023 nên thời điểm tính lãi có lợi cho bị đơn là ngày 21/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu tính lãi 0,75%/tháng có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng và sự vắng mặt của bị đơn bà Nguyễn Thị K: theo Giấy mượn tiền ngày 05/7/2020 do nguyên đơn cung cấp, bà Nguyễn Thị K ghi địa chỉ nơi cư trú số 12/1, đường V, tổ 5, khu phố 2, phường C, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà K theo địa chỉ nêu trên nhưng không giao nhận được văn bản tố tụng. Theo biên bản xác minh ngày 18/5/2023, Công an phường C, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cung cấp thông tin: bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1997 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 12/1, đường V, tổ 5, khu phố 2, phường C, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nhưng không sinh sống tại địa chỉ trên từ đầu năm 2019 đến nay. Bà K đi đâu chính quyền địa phương không rõ.

Căn cứ Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đã thông báo trên Đài Tiếng nói Việt Nam - Cơ quan thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Báo Thanh niên, Ban biên tập Cổng thông tin điện tử Tòa án, thông báo cho bà Nguyễn Thị K tham gia tố tụng theo thời gian cụ thể: lúc 14 giờ 00 phút ngày 22/6/2023 tham gia làm việc ghi nhận ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; lúc 14 giờ 00 phút ngày 10/7/2023 tham gia phiên tòa lần 1; lúc 14 giờ 00 phút, ngày 19/7/2023 tham gia phiên tòa lần 2 nhưng bà K vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào, khoản 4 Điều 91, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị K.

[2] Về nội dung: nguyên đơn căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 05/7/2020 để yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị K trả số tiền gốc 994.000.000 đồng và 260.925.000 đồng tiền lãi từ ngày 05/8/2020 tạm tính đến 05/7/2023.

[3] Xét Giấy mượn tiền ngày 05/7/2020 do nguyên đơn giao nộp không thể hiện thời gian trả, không thể hiện lãi suất nên tranh chấp giữa bà Nguyễn Mỹ D và bà Nguyễn Thị K thuộc trường hợp tranh chấp hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự. Bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo cho bên vay thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

Nguyên đơn bà Nguyễn Mỹ D giao nộp chứng cứ là Thông báo yêu cầu trả nợ ngày 20/02/2023 đã gửi theo vận đơn chuyển phát ngày 17/3/2023 cùng Thông tin chuyển thư của bưu cục Thủ Dầu Một, đã phát thành công ngày 20/3/2023 cho người nhận Nguyễn Thị K theo địa chỉ bà K ghi trong giấy mượn tiền để chứng minh đã thông báo việc trả nợ tiền cho bà K. Như vậy, bà D yêu cầu bà K trả tiền gốc có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền lãi 0,75%/tháng trên số tiền gốc từ ngày 05/8/2020 tạm tính đến 05/7/2023 là 35 tháng theo cách tính: 994.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 35 tháng = 260.925.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/6/2023, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bàNguyễn Thị H thừa nhận giữa hai bên không thỏa thuận lãi suất, do bà K nói trả tiền bà D trong thời hạn 30 ngày nên sau khi bà K không trả tiền, bà D yêu cầu tính lãi 0,75%/tháng. Tuy nhiên ngoài lời trình bày, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh việc thỏa thuận thời hạn vay 30 ngày.

Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: đối với hợp đồng vay không kỳ hạn thì thời gian chậm trả nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết "thời gian hợp lý" đến thời điểm xét xử sơ thẩm. "Thời gian hợp lý" quy định tại Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 1995, Điều 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 do Tòa án căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để xem xét, quyết định nhưng không quá 03 tháng kể từ ngày thông báo;

Theo thông tin chuyển thư của bưu cục Thủ Dầu Một đã phát thành công thông báo việc trả nợ tiền của bà D gửi cho bà Nguyễn Thị K ngày 20/3/2023. Như vậy thời điểm để tính lãi là ngày 21/6/2023 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 19/7/2023 là 29 ngày

Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất theo quy định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10/%/năm tương ứng với 0,83%/tháng. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi 0,75%/tháng thấp hơn mức lãi suất quy định nêu trên nên có căn cứ chấp nhận.

Tiền lãi trên nợ gốc bà Nguyễn Thị K phải trả bà D tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: (994.000.000 đồng x 0,75%/tháng) x 29 ngày = 7.206.500 đồng;

Tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi bị đơn bà Nguyễn Thị K phải trả bà Nguyễn Mỹ D là 1.001.206.500 đồng, trong đó nợ gốc 994.000.000 đồng và tiền lãi 7.206.500 đồng.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích quy định của pháp luật về thời gian yêu cầu trả tiền lãi đối với hợp đồng vay không kỳ hạn nhưng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu về việc tính lãi từ ngày 05/8/2020, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về lãi.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Bà Nguyễn Mỹ D phải chịu án phí trên số tiền lãi không được chấp nhận.

[8] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: bà Nguyễn Mỹ D phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, khoản 2 Điều 180**,** 228, 273 và Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 280, 400, 401, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Mỹ D với bị đơn bà Nguyễn Thị K về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Mỹ D tổng số tiền 1.001.206.500 đồng (một tỷ không trăm lẻ một triệu hai trăm lẻ sáu nghìn năm

trăm đồng), trong đó nợ gốc 994.000.000 đồng (chín trăm chín mươi tư triệu đồng) và tiền lãi 7.206.500 đồng (bảy triệu hai trăm lẻ sáu nghìn năm trăm đồng).

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Mỹ D về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị K trả số tiền lãi 253.718.500 đồng (hai trăm năm mươi ba triệu bảy trăm mười tám nghìn năm trăm đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Mỹ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 12.686.000 đồng (mười hai triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn đồng) đối với số tiền lãi không được chấp nhận. Hoàn trả Nguyễn Mỹ D 11.344.000 đồng (mười một triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002869 ngày 08/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 42.036.000 đồng (bốn mươi hai triệu không trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

4. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: bà Nguyễn Mỹ D phải chịu 3.278.000 đồng (ba triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn đồng) theo bản kê chi phí tố tụng ngày 22/6/2023 của Tòa án. Bà Nguyễn Mỹ D đã thực hiện xong.

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một (để thi hành);
- Lưu: VT, Hs.

Đỗ Thị Lan Hương